

# HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC TRÊN LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY (1997-2015)

*Trần Viết Trung\* và Lê Thị Thu Hằng\*\**

## **Tóm tắt**

*Kể từ khi ra đời vào năm 1945, Liên hợp quốc (LHQ) đã không ngừng xây dựng và tăng cường quá trình hợp tác với các quốc gia thành viên trên nhiều lĩnh vực trong đó có phòng chống tệ nạn và tội phạm ma túy. LHQ đã thiết lập một số cơ quan làm công tác điều phối toàn cầu về phòng chống ma túy và tội phạm. Ngày 20/9/1977, Việt Nam gia nhập LHQ. Vào năm 1992, Văn phòng đại diện Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của LHQ đã đặt trụ sở tại Việt Nam. Năm 1993, Việt Nam bắt đầu vận động nhân dân ngừng trồng cây thuốc phiện và thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội hỗ trợ người trồng cây thuốc phiện. Năm 1997, Việt Nam chính thức tham gia 3 Công ước quốc tế về phòng chống ma túy. Từ đó, công tác hợp tác trong phòng chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ ngày càng phát triển và đạt được những kết quả khả quan. Bài viết này tập trung phân tích hoạt động hợp tác phòng chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ trong giai đoạn 1997-2015.*

**Từ khóa:** Liên hợp quốc, Việt Nam, hợp tác, phòng chống ma túy.

## **Sự cần thiết của việc hợp tác trên lĩnh vực phòng, chống ma túy giữa Liên hợp quốc và Việt Nam**

Liên hợp quốc (LHQ) là một tổ chức quốc tế có mục đích duy trì hòa bình và an ninh trên thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị và

---

\* ThS, Trưởng phòng, Cục Đối ngoại, Bộ Công an.

\*\* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

hợp tác giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc. Kể từ khi ra đời vào năm 1945, LHQ đã không ngừng xây dựng và tăng cường quá trình hợp tác với các quốc gia thành viên trên nhiều lĩnh vực trong đó có phòng chống tệ nạn và tội phạm ma túy. LHQ đã thiết lập một số cơ quan làm công tác điều phối toàn cầu về phòng chống ma túy và tội phạm như Ủy ban chống Ma túy LHQ (CND) nằm trong Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC), Ban Kiểm soát Ma túy Quốc tế (INCB), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của LHQ (UNODC) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai Chương trình của LHQ là Chương trình Kiểm soát Ma túy LHQ (UNDCP) và Trung tâm Phòng ngừa Tội phạm quốc tế (CICP)... Nhiều công ước, điều ước quốc tế đã được phê chuẩn, làm cơ sở cho hợp tác quốc tế phòng chống ma túy và tội phạm trên phạm vi toàn cầu.

Phát biểu tại kỳ họp Đại hội đồng LHQ, nhân ngày Quốc tế phòng chống ma túy 26/6/2012, ông Yury Fedotov, Giám đốc điều hành Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của LHQ (UNODC) nhấn mạnh tới việc phải coi phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và ma túy bất hợp pháp là một nội dung nhiệm vụ không thể tách rời trong công cuộc phát triển và kêu gọi các nước thành viên xây dựng một giải pháp tiếp cận đảm bảo quyền con người, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nỗ lực vì sự phát triển của xã hội trong cuộc chiến phòng chống ma túy.

Nhận xét này được rút ra từ thực tế tình hình sản xuất, mua bán và tiêu thụ ma túy trên toàn thế giới ngày càng diễn biến phức tạp, gây ra những hậu quả to lớn cho thế giới hiện nay. Theo số liệu của UNODC công bố vào tháng 11/2005, số lượng thuốc phiện bất hợp pháp được sản xuất trên thế giới là gần 5.000 tấn. Tổng số vụ bắt giữ trên toàn cầu về thuốc phiện năm 2004 là 120 tấn gồm heroin, moocphin và thuốc phiện. Riêng heroin toàn cầu sản xuất ước tính 485 tấn, trong đó đã bị bắt giữ 59,5 tấn, theo đó ở châu Á 52%, châu Âu 39%, châu Mỹ 8% và châu Phi,

châu Đại dương 1%. Châu Á đứng đầu về số vụ bắt giữ thuốc phiện, chiếm 89%. Năm 2004 toàn cầu thu giữ: 6.206 tấn cần sa; số vụ thu giữ cocain tăng 17% (gần 600 tấn); tiền chất quan trọng như pecmaganat thu hơn 640 tấn. ATS<sup>1</sup> là loại ma túy bị bắt giữ tăng nhanh nhất (trên 25 tấn), trong đó Methamphetamine chiếm 68%, Amphetamine 17%, thuốc lắc 13%, 2% chưa được phân loại. Toàn thế giới vào thời điểm này có khoảng 200 triệu người nghiện ma túy, trong đó có 160,9 triệu người nghiện sử dụng cần sa; 26,2 triệu người sử dụng Amphetamine; 7,9 triệu người sử dụng Ecstasy; 13,7 triệu người sử dụng cocain; 15,9 triệu người sử dụng thuốc phiện và 10,6 triệu người sử dụng heroin<sup>2</sup>.

Cũng theo báo cáo của UNODC, năm 2012, trên thế giới ước tính có khoảng 230 triệu người - tương đương 5% dân số thế giới trong độ tuổi trưởng thành (từ 15 - 64 tuổi) nghiện ma túy, trong đó có 150 triệu người nghiện sử dụng cần sa; 27 triệu người sử dụng Amphetamine; 8 triệu người sử dụng Ecstasy; 14 triệu người sử dụng cocain; 10 triệu người sử dụng thuốc phiện và 11 triệu người sử dụng heroin<sup>3</sup>. Số người nghiện ma túy được phân bố ở khắp các nơi trên thế giới, đã tạo ra thị trường tiêu thụ chất ma túy rất rộng lớn. Trong khi đó, hoạt động trồng cây có chứa chất ma túy và sản xuất trái phép chất ma túy chỉ tập trung ở một số khu vực nhất định. Chính vì vậy, đã thúc đẩy sự hình thành các đường dây, tổ chức tội phạm về ma túy xuyên quốc gia, có sự cấu kết giữa các đối tượng thuộc nhiều quốc tịch khác nhau; tổ chức mua bán, vận chuyển ma túy từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ bằng nhiều hình thức khác nhau.

---

<sup>1</sup> Amphetamine Type Stimulant (các chất ma túy kích thích dạng Amphetamine).

<sup>2</sup> Văn phòng Thường trực phòng chống tội phạm và ma túy (2011), *Hợp tác quốc tế về phòng chống ma túy và nghiên cứu cơ bản về UNODC*, Hà Nội, tr. 8.

<sup>3</sup> United Nations' Office on Drugs and Crime, *World Drug Report 2015*, p.ix, xiii.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

Hiện nay, theo báo cáo của LHQ, tình hình sử dụng các loại ma túy truyền thống trên thế giới không có nhiều biến động, nhưng thế giới đang đối mặt với nguy cơ của chất kích thần mới (NPS)<sup>4</sup>. Năm 2013, NPS hiện đã có mặt tại 94 quốc gia, trong đó có Việt Nam, tăng hơn 50%, từ 166 chất năm 2009 lên 251 chất vào giữa năm 2012. Năm 2013, con số này đã lên tới 348 chất và đến năm 2014, đã có 364 chất NPS được báo cáo lên UNODC (trong lúc đó chỉ mới có 234 chất nằm trong danh mục kiểm soát)<sup>5</sup>.

Để ngăn chặn tình trạng này, LHQ đã thông qua Công ước thống nhất về các chất ma túy (Công ước năm 1961, đã được sửa đổi, bổ sung năm 1972), Công ước của Liên Hợp quốc về các chất hướng thần năm 1971 và Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988, đồng thời quy định quy trình quản lý, mua bán, vận chuyển các loại tiền chất, chống thất thoát, không để cho các đối tượng lợi dụng sử dụng các loại tiền chất vào việc sản xuất trái phép ma túy tổng hợp. Tuy nhiên, thực tế tình hình tội phạm về ma túy quốc tế

---

<sup>4</sup> NPS có nguồn gốc chủ yếu từ châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ), châu Âu (Cộng hòa Czech, Hungary, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ukraine và Anh), châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, hiện được sử dụng rộng rãi ở châu Á và có xu hướng thay thế sử dụng cần sa trong giới trẻ ở châu Âu. Dù chưa có số liệu chính xác về số người sử dụng NPS, nhưng chắc chắn con số này hiện đang gia tăng ở mức báo động. NPS được UNODC xác định là “những chất được sử dụng ở dạng tinh khiết hoặc hợp chất, hiện chưa được kiểm soát theo Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 và Công ước về các chất hướng thần năm 1971, có thể đe dọa tới sức khỏe cộng đồng”. Các nhóm chất NPS hiện đang được sử dụng nhiều trên thế giới là: cần sa tổng hợp; cathinones tổng hợp; ketamine; phenethylamines; piperazines; chất có nguồn gốc từ thực vật như cây khat, kratom, salvia divinorum và các chất tổng hợp khác như aminoindanes, phencyclidine, tryptamines. Hiện nay Ketamin đang được sử dụng nhiều nhất. Theo dự báo của UNODC, trong thời gian tới sử dụng cần sa tổng hợp sẽ tăng cao nhất và rất có thể tội phạm ma túy sẽ kết hợp các chất NPS với nhau để tạo ra các hợp chất gây nghiện mới.

<sup>5</sup> Bộ Công an, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm (2014), *Báo cáo về nguy cơ và thách thức của chất kích thần mới (NPS)*, tr. 1.

như: buôn bán, vận chuyển các loại tiền chất cũng như sử dụng các loại tiền chất để sản xuất trái phép chất ma túy diễn biến hết sức phức tạp. Thực trạng này đã đặt ra yêu cầu, đòi hỏi cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nước, đặt dưới sự điều phối của LHQ trong việc quản lý chặt chẽ các loại tiền chất.

Trong những năm gần đây tình hình tệ nạn ma túy ở Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp, tội phạm ma túy cũng gia tăng trong phạm vi cả nước lẫn ở quy mô xuyên quốc gia. Ở Việt Nam, số người nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát vào năm 1996 là 69.195 người<sup>6</sup> đã tăng lên 181.396 người<sup>7</sup> vào năm 2013. Đến nay, toàn bộ 63/63 tỉnh, thành phố, trên 90% các quận, huyện, thị xã và 60% (6.662/11.112) xã, phường, thị trấn có người nghiện ma túy với thành phần đa dạng hơn, thậm chí đã lan sang cả nhóm đối tượng là cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức - lao động và học sinh, sinh viên. Độ tuổi của người nghiện có xu hướng ngày càng trẻ hoá (năm 1996, số người nghiện dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ là 42%<sup>8</sup>; năm 2001 - 57,7%, năm 2010 - 74,4%)<sup>9</sup>.

Trước đây, người nghiện ma túy chủ yếu sử dụng thuốc phiện, sỏi thuốc phiện và chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ sử dụng hêrôin. Đến nay, người nghiện sử dụng hêrôin là chủ yếu (chiếm khoảng 70%), đồng thời sử dụng cả ma túy tổng hợp, thuốc hướng thần... Hình thức sử dụng ma túy đa dạng

---

<sup>6</sup> Bộ Công an, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm (2009), *Các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy*. Báo cáo chuyên đề khoa học, tr. 30.

<sup>7</sup> Bộ Công an, *Báo cáo thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội, 2014, tr. 85.

<sup>8</sup> Bộ Công an, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm (2009), *Các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy*. Báo cáo chuyên đề khoa học, tr. 30.

<sup>9</sup> Bộ Công an, *Báo cáo thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội, 2014, tr. 86.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

hơn, không còn là hút thuốc phiện, cần sa, hít hêrôin mà mở rộng sang các hình thức tiêm, chích hêrôin, uống ma túy tổng hợp... Tỷ lệ người nghiện sử dụng ma túy bằng đường tiêm chích đã tăng mạnh, từ 7,6% năm 1996 lên 46,4% năm 2001, và năm 2006 là 66,3%. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm lây lan nhanh căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS (hiện nay tỷ lệ nhiễm HIV trong số người nghiện ma túy là 55%)<sup>10</sup>.

Việt Nam hiện nay được coi như một nước trung chuyển quan trọng đối với buôn bán ma túy trái phép. Theo Ban kiểm soát ma túy quốc tế, lãnh thổ Việt Nam được sử dụng như một điểm trung chuyển và lưu trữ heroin được sản xuất tại Tam giác vàng để đưa sang Australia, Canada, châu Âu và Nam Mỹ. Ma túy được trung chuyển qua Việt Nam bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ, đường bưu điện. Đáng lưu ý là các tuyến Việt Nam-Trung Quốc, Campuchia-Việt Nam, Lào-Việt Nam, Campuchia- Thái Lan... đều là những điểm nóng về tệ nạn ma túy, trong đó phức tạp nhất là tuyến biên giới Việt Nam-Lào và Việt Nam-Trung Quốc<sup>11</sup>.

*Trên tuyến biên giới Việt-Lào, các đối tượng thường mua bán, vận chuyển ma túy từ khu vực Tam giác vàng về tập kết tại các điểm, tụ điểm ma túy lớn, thậm chí tổ chức thành các mật khu “Chợ ma túy” ở khu vực ngoại biên, sát với biên giới Việt Nam. Sau đó, các đối tượng người Việt Nam liên kết với các đối tượng người nước ngoài để tìm cách vận chuyển ma túy qua biên giới và đưa vào Việt Nam. Trên tuyến biên giới Việt-Trung, hoạt động của tội phạm về ma túy diễn ra phức tạp theo cả hai chiều: ma túy (phần lớn là tân dược gây nghiện, ma túy tổng hợp và*

---

<sup>10</sup> Bộ Công an, Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm (2009), *Các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy*, Báo cáo chuyên đề khoa học, tr. 30.

<sup>11</sup> Bùi Anh Dũng (2006), *Hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng cảnh sát nhân dân Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 87.

hêrôin đã được pha chế lại) được vận chuyển từ Trung Quốc vào Việt Nam, đồng thời hêrôin, thuốc phiện và cần sa được vận chuyển từ khu vực biên giới Việt-Lào qua các tỉnh vùng Tây Bắc và các tỉnh nội địa khác đưa sang Trung Quốc tiêu thụ. Tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia nổi lên là hoạt động mua bán, vận chuyển ma túy tổng hợp, nhất là dạng tinh thể (ICE) từ Campuchia đến các tụ điểm tệ nạn xã hội, các sông bạc ở khu vực biên giới cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh), Tà Keo (đối diện cửa khẩu Tịnh Biên - An Giang), từ đó thâm nhập vào các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh<sup>12</sup>.

*Trên tuyến biển*, các lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy đã phát hiện một số vụ các đối tượng lợi dụng hình thức tạm nhập, tái xuất hàng hóa qua các cảng biển để vận chuyển ma túy với số lượng lớn hoặc hạt thuốc phiện. Điển hình là các vụ: Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục Cảnh sát biển và Cục phòng, chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan bắt giữ 8,8 tấn nhựa cần sa; Cảnh sát Đà Loan phát hiện thu giữ 4 kg hêrôin giấu trong container hải sản đông lạnh có xuất xứ từ Việt Nam; Hải quan thành phố Hồ Chí Minh phát hiện, thu giữ 18 tấn hạt thuốc phiện có xuất xứ từ Thổ Nhĩ Kỳ...<sup>13</sup>.

*Trên tuyến đường hàng không*, hoạt động của tội phạm về ma túy diễn biến ngày càng phức tạp hơn theo cả hai chiều vận chuyển ma túy vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài (trong đó phần lớn là từ nước ngoài vào Việt Nam); tập trung chủ yếu ở các cửa khẩu sân bay quốc tế (Nội Bài, Tân Sơn Nhất). Đối tượng cầm đầu các đường dây này hầu hết là người nước ngoài (chủ yếu là người gốc Phi), đã lợi dụng, thuê phụ nữ người Việt Nam hoặc phụ nữ các nước Thái Lan, Campuchia,

---

<sup>12</sup> Bộ Công an, *Báo cáo thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội, 2014, tr. 90.

<sup>13</sup> Nghiêm Xuân Yêm, Trần Văn Luyện, *Phát hiện và điều tra các tội phạm về ma túy*. Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2001.

## ***Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)***

Philippines, Indonesia... vận chuyển ma túy thông qua các hình thức du lịch, thăm thân... Một số trường hợp là các đối tượng người Australia gốc Việt núp dưới hình thức về thăm thân, du lịch để buôn bán ma túy sang Australia.

Tình hình đó đòi hỏi phải tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, nhất là hợp tác với các nước có chung đường biên giới, các nước trong khu vực và LHQ. Bên cạnh nỗ lực trong nước là chủ yếu, tất yếu phải tăng cường hợp tác giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật Việt Nam với LHQ và các nước trên thế giới, nhất là trong giai đoạn mà Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương tăng cường hội nhập quốc tế toàn diện, chủ động và tích cực.

Như vậy, hợp tác quốc tế giữa các quốc gia nói chung cũng như từng quốc gia với LHQ trong phòng, chống và kiểm soát ma túy đang là một xu thế chung mà không một quốc gia nào có thể tách rời khỏi xu thế này, kể cả Việt Nam.

### **Hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc trong phòng, chống ma túy**

Ngày 20/9/1977, Việt Nam gia nhập LHQ. Sau đó, vào năm 1992, Văn phòng đại diện Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của LHQ đã được đặt trụ sở tại Việt Nam. Năm 1993, Việt Nam bắt đầu vận động nhân dân ngừng trồng cây thuốc phiện và thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội hỗ trợ người trồng cây thuốc phiện. Năm 1997, Việt Nam chính thức tham gia 3 Công ước quốc tế về phòng chống ma túy. Từ đó, công tác hợp tác quốc tế trong phòng chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ ngày càng phát triển và đạt được những kết quả khả quan. Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của LHQ (UNODC) đã nhanh chóng triển khai một chương trình hợp tác toàn diện với Việt Nam trong phòng



chống ma túy, tội phạm và khủng bố, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực chính sau đây:

***Hợp tác trong việc phê chuẩn và gia nhập các Công ước của LHQ về phòng chống ma túy***

***a. Các Công ước của LHQ về phòng, chống ma túy***

***Công ước thống nhất về các chất ma túy 1961 (Công ước 1961):*** Được thông qua tại New York ngày 30/03/1961, gồm 51 điều, có hiệu lực từ ngày 13/02/1964 và còn được bổ sung, sửa đổi bằng Nghị định thư thông qua ngày 25/03/1972 tại Giơ-ne-vơ và có hiệu lực từ tháng 8/1975. Công ước 1961 là sự kế thừa và thống nhất của các Công ước trước đó.

Mục đích của việc ban hành ***Công ước 1961*** là nhằm thiết lập mối liên kết giữa các quốc gia trong việc bảo vệ sức khoẻ và phúc lợi của nhân loại. Công ước nhấn mạnh tầm quan trọng của các quốc gia trong ngăn chặn và chống tệ nạn ma túy và biện pháp hữu hiệu nhất là sự hợp tác hành động giữa các quốc gia dưới sự chỉ đạo và giám sát chặt chẽ của Liên hợp quốc.

Công ước đưa ra các định nghĩa về các chất ma túy, phân loại chất ma túy, các chất có chứa ma túy, các chế phẩm, các chất có chứa ma túy và các biện pháp áp dụng trong kiểm soát từng loại chất này. Công ước cũng đưa ra các hoạt động chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy; các quy định về tội phạm và hình phạt liên quan đến ma túy, dẫn độ tội phạm ma túy, các biện pháp chống lạm dụng ma túy; hiệu lực của Công ước, bảo lưu công ước và các quy định khác liên quan đến hiệu lực của Công ước...<sup>14</sup>.

***Công ước về các chất hướng thần năm 1971 (Công ước 1971):*** Được thông qua tại Viên - Áo ngày 21/02/1971, gồm 33 điều, có hiệu lực

---

<sup>14</sup> Liên hợp quốc (1961), *Công ước thống nhất về các chất ma túy*.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

từ năm 1976, có hầu hết các nước trên thế giới tham gia. Mục đích của việc phê chuẩn Công ước là nhằm ngăn chặn việc sử dụng bất hợp pháp các chất hướng thần, thông qua việc thiết lập cơ chế kiểm soát quốc tế về các chất này; nhằm ứng phó với sự đa dạng và mở rộng của các chất bị lạm dụng và đưa ra các biện pháp kiểm soát các chất ma túy tổng hợp tương ứng với khả năng bị lạm dụng và tác dụng y tế của chúng. *Công ước 1971* quy định các chất hướng thần bao gồm các chất kích thích dạng amphetamin, các chất giảm đau/gây ngủ và các chất ảo giác...

Nội dung chủ yếu: i) Xác lập danh mục các chất hướng thần cần phải kiểm soát, gồm bốn bảng I, II, III, IV; quy trình bổ sung và loại bỏ một chất ra khỏi danh mục, chế độ kiểm soát với các chất trong từng bảng. ii) Xác định nghĩa vụ của các bên trong việc quản lý: cấp giấy phép, đơn thuốc, bao bì, hồ sơ. iii) Quy định thủ tục trong thương mại quốc tế, trong việc chuyên chở trong máy bay, tàu thuyền. iv) Quy định nhiệm vụ giám sát của Ủy ban về vấn đề ma túy. v) Quy định các biện pháp chống lạm dụng, buôn bán bất hợp pháp chất hướng thần<sup>15</sup>.

*Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và hướng thần năm 1988 (Công ước 1988)*: Được thông qua ngày 18/12/1988, gồm 34 điều, có hiệu lực từ ngày 11/11/1990, có trên 200 nước và vùng lãnh thổ tham gia. Công ước ra đời trong bối cảnh xu hướng sản xuất và buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần ngày càng gia tăng, đe dọa nghiêm trọng sức khỏe của con người. Hai *Công ước 1961 và 1971* tập trung chủ yếu vào các biện pháp quản lý hợp pháp các chất ma túy, chưa đưa ra các biện pháp đấu tranh đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng này. *Công ước 1988* đưa ra các biện pháp toàn diện chống buôn bán ma túy bao gồm các quy định chống rửa tiền, chống thất thoát tiền hoá chất; quy định về hợp tác quốc tế, như dẫn độ tội phạm, vận chuyển có kiểm soát. Nội dung chủ yếu của Công ước

---

<sup>15</sup> Liên hợp quốc (1971), *Công ước quốc tế về các chất hướng thần*.

gồm: i) Xác định tội phạm và hình phạt: nêu rõ, cụ thể hành vi cần được coi là tội phạm và xử lý bằng hình phạt; ii) Xác định quyền tài phán, tịch thu tài sản, dẫn độ, tương trợ tư pháp; vận chuyển có kiểm soát; xác định các hình thức hợp tác đào tạo cán bộ và hợp tác khác. iii) Xác định các chất thông dụng trong điều chế ma túy hoặc chất hướng thần bất hợp pháp (bảng I, II) và các biện pháp kiểm soát đối với những chất này. iv) Xác định các biện pháp loại trừ việc trồng trái phép các loại cây có chất ma túy. v) Xác định nhiệm vụ giám sát của Ủy ban về ma túy và Ban kiểm soát ma túy quốc tế<sup>16</sup>.

Trên cơ sở quy định của ba Công ước, nghĩa vụ cơ bản của mỗi bên khi tham gia các công ước LHQ về kiểm soát ma túy gồm: i) Cụ thể hóa những nội dung của ba Công ước thành nội luật để triển khai thực hiện (hình sự, quy định về sản xuất, buôn bán, vận chuyển, xuất nhập khẩu, dẫn độ...); ii) Thực hiện chế độ thông kê báo cáo thường niên hoặc theo chuyên đề; iii) Tuân thủ những quy định về quản lý và hạn chế xuất, nhập khẩu các chất bị kiểm soát: cấp phép, thông báo tiền xuất khẩu; iv) Áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt hơn trong Công ước; v) Thực hiện các yêu cầu hợp tác (trao đổi thông tin, tương trợ tư pháp về hình sự, thực hiện biện pháp vận chuyển có kiểm soát...).

#### *b. Việt Nam tham gia ba Công ước của LHQ về kiểm soát ma túy*

Năm 1993, Chính phủ Việt Nam tuyên bố cam kết trong công tác phòng, chống ma túy bằng việc ban hành Nghị quyết số 06/CP về Tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Theo đó, một nội dung quan trọng là việc “Xây dựng các văn bản pháp quy về vấn đề chống ma túy” và giao cho Bộ Tư pháp chủ trì việc nghiên cứu pháp luật về vấn đề ma túy; chuẩn bị các văn kiện cho Việt Nam phê chuẩn ba Công ước của LHQ về kiểm soát ma túy.

---

<sup>16</sup> Liên hợp quốc (1988), *Công ước quốc tế về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần*.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

Trong 4 năm (1993-1997), hệ thống văn bản pháp luật về ma túy của Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhằm chuyển hóa các quy định của pháp luật Việt Nam về cơ bản phù hợp với các điều khoản của ba Công ước nói trên. Những sửa đổi, hoàn thiện của Việt Nam bao gồm cả về triệt phá cây có chứa chất gây nghiện, cơ chế kiểm soát các chất gây nghiện, hình sự hóa những tội phạm liên quan đến ma túy và tăng cường điều trị nghiện ma túy.

Năm 1995, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 939/BYT-QĐ, ngày 06/06/1995 về Quy chế quản lý thuốc gây nghiện và danh mục thuốc gây nghiện. Các biện pháp kiểm soát đối với hoạt động hợp pháp liên quan đến thuốc gây nghiện trong Quyết định này sát với những cơ chế kiểm soát đang áp dụng đối với các chất ma túy và các chất hướng thần quy định trong ba Công ước như những hạn chế: chỉ sử dụng ma túy cho các mục đích y học và khoa học; các dự trừ và các báo cáo, phân tích; kiểm soát bằng giấy phép sản xuất, điều chế và vận chuyển; cấp giấy phép xuất, nhập khẩu và các yêu cầu đối với đơn thuốc trong phân phối và lưu hồ sơ...

Ngày 10/5/1997, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự 1985, trong đó đã bổ sung, sửa đổi một số điều, khoản nhằm quy định cụ thể hơn về tội phạm ma túy. Bộ luật hình sự sửa đổi đã tiến một bước quan trọng trong việc đáp ứng những yêu cầu của ba Công ước nhằm kiểm soát các hoạt động trái phép liên quan đến ma túy. Trong giai đoạn 1989 - 1997, Bộ Luật hình sự Việt Nam chỉ có 02 hành vi phạm tội liên quan đến ma túy được quy định. Từ năm 1997, Bộ Luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai với quy định 13 tội danh về ma túy và 01 Điều quy định về Hình phạt bổ sung.

Ngày 01/9/1997, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ban hành Quyết định số 798/QĐ - CTN về việc Việt Nam tham gia với danh nghĩa nhà nước vào ba Công ước của LHQ về kiểm soát ma túy. Tại Điều 2

của Quyết định này, Việt Nam tuyên bố bảo lưu một số điều khoản trong ba Công ước, cụ thể: Điều 36, khoản 2, điểm b về dẫn độ và Điều 48, khoản 2 về giải quyết các bất đồng của *Công ước 1961*; Điều 22, khoản 2, điểm b về dẫn độ và Điều 31, khoản 2 về giải quyết các bất đồng của *Công ước 1971*, Điều 6 về dẫn độ và Điều 32, khoản 2 và khoản 3 về giải quyết các bất đồng của *Công ước 1988*<sup>17</sup>.

Ngày 30/9/1997, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước CHXHXN Việt Nam đã gửi Công hàm đến Ngài Tổng thư ký LHQ thông báo việc gia nhập chính thức các Công ước nói trên và tuyên bố bảo lưu các điều, khoản đối với 3 Công ước như đã nêu tại Quyết định số 798/QĐ-CTN, ngày 01/09/1997.

***Hợp tác trong quá trình nội luật hóa các quy định về kiểm soát ma túy của ba công ước của LHQ phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam***

Kể từ khi chính thức tham gia ba Công ước LHQ về kiểm soát ma túy, Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng nội luật hóa các quy định trong nước tương thích với các quy định của ba Công ước cũng như để thực hiện những cam kết khi gia nhập ba Công ước này. Việc tiếp tục chuyển hóa các cam kết tại ba Công ước thành các quy định pháp luật nội địa là một yêu cầu khách quan không chỉ nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế mà còn giúp khai thác và hiện thực hóa các quyền lợi của một thành viên tham gia.

"Nội luật hóa" trong khuôn khổ bài viết này có thể được hiểu là quá trình đưa nội dung các quy phạm điều ước quốc tế vào nội dung của

---

<sup>17</sup> Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1997), *Quyết định của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc tham gia với danh nghĩa Nhà nước ba công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

quy phạm pháp luật trong nước thông qua việc xây dựng, ban hành (sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới) văn bản quy phạm pháp luật trong nước để có nội dung pháp lý đúng với nội dung của các quy định của điều ước đã được ký kết hoặc gia nhập<sup>18</sup>.

*Trong việc xây dựng Luật phòng, chống ma túy và các quy định có liên quan về phòng, chống ma túy*, Việt Nam dần dần đã thể hiện được vai trò và trách nhiệm của mình. Trước diễn biến phức tạp của tình hình nghiện ma túy và tội phạm về ma túy ở trong nước cũng như ở phạm vi quốc tế, trong bối cảnh Việt Nam đã tham gia các Công ước của LHQ về phòng, chống ma túy thì việc Quốc hội ban hành một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao, điều chỉnh tập trung, thống nhất những vấn đề cơ bản về phòng, chống ma túy là rất cấp thiết, nhằm huy động sức mạnh của toàn xã hội vào cuộc đấu tranh này. Do đó, Luật phòng, chống ma túy được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09/12/2000 đã đáp ứng đầy đủ và phù hợp với mục đích của việc ban hành Luật, ngăn gọn, bao hàm phạm vi điều chỉnh của Luật.

Luật phòng, chống ma túy gồm 8 Chương, 56 điều, trong đó có những điều luật đã được thay đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn và điều ước quốc tế. Ví dụ như Chương 3: Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy (gồm 10 điều từ Điều 15 đến Điều 24) quy định kiểm soát chặt chẽ đối với việc nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, trao đổi, sử dụng, xử lý nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng dẫn, phù hợp với yêu cầu của 3 Công ước của LHQ về phòng, chống ma túy năm 1961, năm 1971 và năm 1988<sup>19</sup>.

---

<sup>18</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014, tr. 48-50.

<sup>19</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014, tr. 52.

Để triển khai thực hiện Luật phòng chống ma túy, từ năm 2000 đến năm 2013, Chính phủ đã ban hành 18 Nghị định, trong đó có văn bản quy định việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy<sup>20</sup>.

*Trong việc hình sự hóa các hành vi liên quan đến ma túy đã được quy định trong khuôn khổ các công ước của LHQ. Ở Việt Nam, Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 ra đời đã đánh dấu một bước tiến rõ nét trong công tác lập pháp của Việt Nam. Lần đầu tiên các khái niệm như*

---

<sup>20</sup> Bao gồm: Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001, Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001, Nghị định số 58/2003/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2003, Nghị định số 133/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2003, Nghị định số 163/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2007; Nghị định số 45/2009/NĐ-CP, ngày 13 tháng 5 năm 2009; Nghị định số 82/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất. 10 văn bản về cai nghiện ma túy, bao gồm: Nghị định số 34/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002, Nghị định số 56/2002/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2002, Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004, Nghị định số 146/2004/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2004, Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005, Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, ngày 26 tháng 10 năm 2009; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, ngày 09 tháng 09 năm 2010; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, ngày 30 tháng 12 năm 2013; 02 văn bản về chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân tham gia công tác phòng, chống ma túy, bao gồm: Nghị định số 103/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2002, Nghị định số 04/2003/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2003; 01 văn bản quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy là Nghị định số 05/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2003; 01 văn bản quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân là Nghị định số 99/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2002. Bên cạnh các văn bản nêu trên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành trên 15 Quyết định liên quan đến lĩnh vực phòng, chống ma túy, đặc biệt là Quyết định số 93/2001/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2001 về tăng hành động phòng, chống ma túy và ngày toàn dân phòng, chống ma túy, Quyết định số 64/2002/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2002 về việc phê duyệt dự án trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ chuyên dùng, tăng cường năng lực chiến đấu, công tác cơ sở lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma túy giai đoạn 2002-2004. Quyết định số 25/2002/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2002 về chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác tại cơ sở chữa bệnh, Quyết định số 218/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2002 về việc phê duyệt dự án trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ chuyên dùng phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội biên phòng giai đoạn từ năm 2002 đến năm-2004, Quyết định số 133/2002/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2002 ban hành Quy chế phối hợp giữa lực lượng Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy tại địa bàn biên giới, cửa khẩu và trên biển, Quyết định số 205/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2003 về việc phê duyệt dự án tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện tại thành phố Hồ Chí Minh...

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

“chất ma túy”, “tiền chất”, “chất gây nghiện”, “chất hướng thần”, “thuốc gây nghiện” và “thuốc hướng thần” đã được định nghĩa theo quy định của các Công ước của LHQ. Theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Công ước quốc tế về kiểm soát ma túy của LHQ, chất ma túy là những chất đã được xác định và có tên gọi riêng trong khoa học, danh mục chất ma túy cần kiểm soát gồm 276 chất trong đó có 235 chất ma túy và 41 chất thường dùng để sản xuất ma túy (được gọi là tiền chất)<sup>21</sup>.

Theo *Công ước 1961*, ma túy được nhóm thành 4 nhóm với 4 mức độ kiểm soát khác nhau: Nhóm 1 gồm các loại nguyên liệu thô (cần sa, hashish, coca, leaf, thuốc phiện) và tất cả các chất trong nhóm cần sa, côcain, thuốc phiện có khả năng bị lạm dụng cao; Nhóm 2 gồm các dạng của codein và morphine; Nhóm 3 gồm những chất pha chế như “một hỗn hợp, rắn hoặc lỏng có chứa các chất ma túy”, có tỷ lệ ma túy thấp và theo tỷ lệ quy định vì vậy không hoặc ít có nguy cơ bị lạm dụng; Nhóm 4 gồm có những loại ma túy chứa các đặc tính rất nguy hiểm nhưng có rất ít tác dụng chữa bệnh. Những chất này đồng thời nằm trong nhóm 1 và phải chịu tất cả những biện pháp kiểm soát<sup>22</sup>.

Theo *Công ước năm 1971*, các chất hướng thần được liệt kê thành 4 nhóm: Nhóm 1 gồm nhóm chất ma túy gây ảo giác LSD, DMT, mescaline..., những chất này đặc biệt nguy hiểm đối với sức khỏe cộng đồng nhưng có rất ít tác dụng chữa bệnh (nếu có); Nhóm 2 gồm những loại ma túy dạng an thần và dạng amphetamine, những chất này gây ra nguy cơ lâu dài đối với sức khỏe cộng đồng và có ít hoặc vừa phải tác dụng chữa bệnh; Nhóm 3 liệt kê những chất an thần nhanh và trung bình, những chất có khả năng gây ra nguy cơ lâu dài đối với sức khỏe cộng đồng và chỉ có tác dụng chữa bệnh vừa phải; Nhóm 4 bao gồm những

---

<sup>21</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014, tr. 61.

<sup>22</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014.



loại thuốc ngủ, thuốc an thần và thuốc giảm đau, những loại thuốc này được cho rằng tuy ít nguy cơ hơn nhưng vẫn rất nguy hiểm đối với sức khỏe cộng đồng và có từ ít đến nhiều khả năng chữa bệnh<sup>23</sup>.

Theo *Công ước 1988*, các chất liên quan đến các giai đoạn khác nhau của sản xuất ma túy được chia ra thành 2 loại: (i) Các loại tiền chất là các loại chất tham gia vào quá trình biến đổi “trở nên kết hợp chặt chẽ với toàn bộ hoặc một phần của phân tử” khi kết thúc quá trình sản xuất, và (ii) Các chất khác được sử dụng chủ yếu như thuốc thử hoặc chất hòa tan, những chất này không trở thành một phần của sản phẩm cuối cùng nhưng rất cần thiết đối với quá trình biến đổi<sup>24</sup>.

Những quy định cụ thể trong các Công ước của LHQ đã giúp Việt Nam tiếp tục đưa ra danh sách những chất chịu sự kiểm soát của luật pháp. Năm 2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2001/ND-CP về danh sách các chất ma túy và tiền chất. Căn cứ điều 2 của Nghị định này, mỗi chất ma túy được đưa vào một trong ba nhóm:

Nhóm 1 gồm những chất ma túy đặc biệt nguy hiểm bị cấm tuyệt đối, bao gồm các chất trong nhóm 4 của *Công ước 1961*, các chất hướng thần trong nhóm 1 của *Công ước 1971* và tiền chất của chúng.

Nhóm 2 gồm những chất ma túy nguy cơ cao, bao gồm các chất ma túy trong nhóm 1 và nhóm 2 của *Công ước 1961*, các chất hướng thần trong nhóm 2 của *Công ước 1971* và các hợp chất của chúng.

Nhóm 3 gồm những chất ma túy nguy hiểm được sử dụng trong chữa bệnh, trong nghiên cứu khoa học và các phân tích liên quan đến tội phạm liên quan đến ma túy, bao gồm những chất hướng thần có

---

<sup>23</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014.

<sup>24</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

trong nhóm 3 và nhóm 4 của *Công ước 1971* và các hợp chất của chúng<sup>25</sup>.

*Trong việc quy định pháp luật của Việt Nam phù hợp nghĩa vụ pháp lý của ba Công ước về kiểm soát chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất.* Hiện nay Việt Nam quy định quản lý 166 chất ma túy tại Danh mục I và Danh mục II của Nghị định số 82/2013/NĐ-CP, trong đó Danh mục I gồm 45 chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội, Danh mục II gồm 121 chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Các chất hướng thần được quy định tại Danh mục III Nghị định 82/2013/NĐ-CP gồm 69 chất được dùng trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Tiền chất gồm 41 chất được quy định tại Danh mục IV Nghị định 82/2013/NĐ-CP, trong đó có 33 tiền chất được dùng trong công nghiệp do Bộ Công Thương quản lý và 8 tiền chất được dùng trong lĩnh vực y tế do Bộ Y tế quản lý<sup>26</sup>.

Bên cạnh đó, Việt Nam ngày càng hoàn thiện hệ thống tổ chức cơ quan chuyên trách kiểm soát chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất theo các quy định của LHQ. Công tác kiểm soát tiền chất được đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Việc phân công, phân nhiệm trong công tác kiểm soát chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất của các bộ, ban, ngành

---

<sup>25</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014.

<sup>26</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014, tr. 75.

như Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng... và các ngành chức năng ngày càng cụ thể và hiệu quả.

### ***Hợp tác về thúc đẩy dẫn độ tội phạm và tương trợ tư pháp hình sự***

Dẫn độ tội phạm là thủ tục tư pháp hình sự quốc tế trong đó một quốc gia (quốc gia được yêu cầu dẫn độ) theo yêu cầu của một quốc gia khác (quốc gia yêu cầu dẫn độ) giao người phạm tội đang lẩn trốn trên lãnh thổ của mình cho quốc gia đó để điều tra, truy tố, xét xử hoặc để thi hành hình phạt của bản án đã có hiệu lực. Theo các Công ước, các Bên không có nghĩa vụ yêu cầu dẫn độ hoặc dẫn độ tội phạm ma túy xảy ra trong lãnh thổ của họ. Ba Công ước chỉ đơn giản là nỗ lực “làm cho dẫn độ mang tính khả thi bằng cách sử dụng quy định pháp luật trong nước hiện hành và các hiệp ước dẫn độ song phương và đa phương hiện tại hoặc tương lai”.

Trong thực tế, Việt Nam đã ký kết một số hiệp ước song phương về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự, trong đó vấn đề dẫn độ tội phạm, bao gồm cả tội phạm ma túy là được phép. Đặc biệt, lần đầu tiên Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 (BLTTHS 2003) thay thế cho BLTTHS 1988 có hiệu lực từ tháng 7/2004 có hai điều mới, đó là điều 343 và 344 giải quyết vấn đề dẫn độ. Lần đầu tiên công cụ này đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản mang tính quan trọng đối với việc phát triển các quy định thực thi quốc gia về dẫn độ. BLTTHS 2003 đã đặt ra một số quy tắc quan trọng về các điều kiện để dẫn độ. Các căn cứ để từ chối dẫn độ ở Việt Nam thường theo các nguyên tắc thông lệ quốc tế và cũng được dự kiến trong các Công ước, chẳng hạn như các nguyên tắc quốc tịch, xét xử kép, tội phạm kép và phân biệt đối xử. Tuy nhiên, BLTTHS 2003 chỉ chạm đến các khía cạnh chính của dẫn độ, chứ chưa giải quyết các vấn đề khác nhau về thủ tục dẫn độ. Đặc biệt, nó vẫn chưa xác định được phạm vi của tội phạm có thể dẫn độ và nó cũng chưa trả

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

lời câu hỏi liệu Việt Nam có phải thực hiện thẩm quyền hình sự trong trường hợp từ chối dẫn độ.

*Về tương trợ tư pháp (TTTP):* Theo Điều 7, *Công ước 1988*: các bên sẽ dành cho nhau sự TTTP rộng rãi nhất trong việc điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm theo qui định. Theo đó, từ khoản 2 đến khoản 21 quy định chi tiết về mục đích, hình thức TTTP, những trường hợp từ chối việc tương trợ tư pháp, yêu cầu không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ trong hiệp định song phương hoặc đa phương liên quan toàn bộ hay một phần đến việc TTTP; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan thực hiện những yêu cầu về TTTP hoặc chuyển những yêu cầu đó cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện; ngôn ngữ sử dụng; thể thức nội dung của văn bản yêu cầu TTTP; nghĩa vụ của các bên yêu cầu và nhận yêu cầu TTTP, cũng như các quy định quyền khước từ yêu cầu tương trợ, những vấn đề liên quan đến nhân chứng, giám định viên tham gia trong hoạt động TTTP, chi phí thực hiện các yêu cầu TTTP<sup>27</sup>...

Ngày 21/11/2007, Luật TTTP được Quốc hội Việt Nam ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2008. Luật TTTP có ý nghĩa quan trọng tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho hoạt động TTTP của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Theo luật này, các điều khoản quy định trong Chương III, Chương IV và Chương V đã quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong thực hiện hợp tác quốc tế về TTTP hình sự và chuyển giao người bị kết án. Theo đó, quy định trong trường hợp Bộ Công an nhận được văn bản của hai hoặc nhiều nước yêu cầu dẫn độ một người về cùng một tội phạm hoặc nhiều tội phạm khác nhau thì Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Toà án Nhân

---

<sup>27</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014, tr. 102.

dân tối cao xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Toà án Nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định dẫn độ... Hiện nay, Việt Nam đã ký 23 Hiệp định song phương trong lĩnh vực TTTP.

### ***Hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông về phòng chống ma túy trong khuôn khổ Liên hợp quốc***

Về hợp tác đa phương, năm 1991, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (Interpol), và lần lượt năm 1995 và năm 1997 trở thành thành viên của Hiệp hội Cảnh sát các nước Đông Nam Á (ASEANAPOL), tham gia và là thành viên của Chương trình hợp tác đấu tranh chống ma túy giữa ASEAN và Trung Quốc, Chương trình hợp tác phòng, chống ma túy sáu nước tiểu vùng sông Mê Kông (MOU), Hội nghị quan chức cấp cao và Hội nghị cấp Bộ trưởng các nước tiểu vùng sông Mê Kông về phòng chống ma túy, Hội nghị quan chức cao cấp về vấn đề ma túy của 10 nước thành viên ASEAN... Nội dung hợp tác đa phương tập trung chủ yếu vào việc phối hợp triển khai các nội dung của ba Công ước quốc tế, xây dựng quy chế phối hợp đa quốc gia, nâng cao năng lực thông qua đào tạo cán bộ và dự án hỗ trợ kỹ thuật.

Từ năm 1995 đến năm 2000, Văn phòng INTERPOL Việt Nam đã phối hợp với INTERPOL các nước xác minh, điều tra 135 đối tượng phạm tội ma túy quốc tế<sup>28</sup>. Ngoài ra, theo thống kê của Văn phòng Thường trực phòng, chống ma túy, trong 5 năm (1998-2001) đã có 218 yêu cầu xác minh về tiền chất của Cơ quan phòng chống ma túy các nước như: Ủy ban kiểm soát ma túy quốc tế Liên hợp quốc (INCB),

---

<sup>28</sup> Nguyễn Xuân Yêm (2009), Về giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các hiệp định, bản ghi nhớ về phòng chống ma túy giữa Việt Nam và các nước, trong Hội thảo quốc tế *Phòng chống ma túy tại các nước Asean*, tr. 3.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

Trung Quốc, Hà Lan, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan<sup>29</sup>. Hơn nữa, thông qua Văn phòng INTERPOL, ASEANAPOL, các lực lượng chức năng phòng chống ma túy của Việt Nam có thể tham gia trao đổi thông tin, phục vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, nhất là các thông tin phục vụ phát hiện tội phạm nguy hiểm, như: buôn bán ma túy, truy tìm tội phạm ma túy, dẫn độ tội phạm ma túy...

Việt Nam đã ký 16 Hiệp định hợp tác, Nghị định thư với Bộ Công an các nước có nội dung liên quan đến hợp tác phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy... tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn tại Việt Nam<sup>30</sup>.

Về hợp tác song phương, Việt Nam đã ký 8 Hiệp định song phương về phòng, chống ma túy với Chính phủ các nước Campuchia, Lào, Trung Quốc, Cộng hoà Liên bang Nga, Thái Lan, Myanmar, Hungary, Hoa Kỳ và 17 Hiệp định hợp tác trong phòng, chống tội phạm với hầu hết các nước trong khu vực và các đối tác quan trọng về phòng, chống ma túy trên thế giới<sup>31</sup>.

Hoạt động hợp tác song phương với các nước có chung đường biên giới đã được tăng cường theo hướng đi sâu vào giải quyết các công việc cụ thể và mang tính thực tiễn. Cơ chế giao ban giữa các tỉnh đã hình thành và dần đi vào thường xuyên. Việt Nam bước đầu đã hỗ trợ, nâng

---

<sup>29</sup> Nguyễn Xuân Yêm (2009), Về giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các hiệp định, bản ghi nhớ về phòng chống ma túy giữa Việt Nam và các nước, trong Hội thảo quốc tế *Phòng chống ma túy tại các nước Asean*, tr. 3.

<sup>30</sup> Đó là: Hội nghị cấp Bộ trưởng 6 nước tiểu vùng khu vực sông Mêkông (MOU - tháng 9/2003), Hội nghị những người đứng đầu Cơ quan hành pháp phòng, chống ma túy quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Honleá lần thứ 29 - tháng 11/2005), Hội nghị cấp Bộ trưởng ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia về phòng, chống ma túy (tháng 9/2004)...

<sup>31</sup> Bộ Công an, *Báo cáo đánh giá việc thực hiện 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội 2014, tr. 22.

cao năng lực cho lực lượng phòng, chống ma túy của Lào và Campuchia thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, đầu tư kinh phí và phương tiện. Với sự hỗ trợ của UNODC, Việt Nam đã thành lập và đưa vào hoạt động 14 Văn phòng Liên lạc qua biên giới (BLO) tại 10 tỉnh giáp biên với Trung Quốc, Lào và Campuchia; bước đầu phát huy được hiệu quả trong trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, bắt giữ tội phạm ma túy và các loại tội phạm khác ở khu vực biên giới.

Đối với *Trung Quốc*, tình hình hoạt động mua bán vận chuyển ma túy ở biên giới Việt-Trung diễn ra theo hai chiều: Phần lớn các vụ mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới được vận chuyển từ Việt Nam sang Trung Quốc, nhiều vụ vận chuyển với số lượng lớn, có vụ vận chuyển qua đường sắt tới 24,5kg heroine. Heroine được mua ở tuyến Tây Bắc giáp Lào vận chuyển sâu vào nội địa Việt Nam rồi được đưa sang Trung Quốc. Ngược lại, một số chất ma túy tổng hợp, thuốc tân dược gây nghiện lại được vận chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam, có vụ đến 30.000 ống Diazepam. Các đối tượng chủ mưu, cầm đầu ít xuất hiện hoặc không xuất hiện mà chỉ đạo từ xa thông qua mạng Internet, điện thoại quốc tế và điện thoại đầu số, có vụ vận chuyển qua đường biển tới 8,8 tấn nhựa cần sa<sup>32</sup>. Trong 5 năm (2005-2009), các lực lượng chức năng (Công an, Hải quan, Bộ đội biên phòng) của 7 tỉnh biên giới Việt-Trung đã phát hiện, bắt giữ được 7.421 vụ, 10.151 đối tượng phạm tội về ma túy. Thu giữ hơn 336,866 kg heroin; 175 kg thuốc phiện; 148.262 viên, 3,9 kg, 2.476 ống, 32 ml ma túy tổng hợp; 8,8 tấn nhựa cần sa, 1,15 kg cần sa khô; 915 viên, 8.702 ống tân dược gây nghiện<sup>33</sup>.

---

<sup>32</sup> Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm (2009), *Thực trạng, các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm ma túy của lực lượng cảnh sát nhân dân các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Báo cáo chuyên đề khoa học, tr. 17.

<sup>33</sup> Cụ thể: năm 2005: 1670 vụ, 2197 đối tượng; năm 2006: 1531 vụ, 2158 đối tượng; năm 2007: 1281 vụ, 1.773 đối tượng; năm 2008: 1.404 vụ, 1937 đối tượng; năm 2009: 1535 vụ, 2086 đối tượng. Dẫn theo: Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm (2009).

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

Biên giới chung giữa Việt Nam và Lào trải dài trên 10 tỉnh của Việt Nam với hàng ngàn con đường nhỏ và đường mòn chạy qua những quả đồi thấp được sử dụng như những con đường chính để ma túy trái phép xâm nhập vào Việt Nam. Những kẻ buôn bán ma túy người Lào móc nối với bạn bè và họ hàng tại Việt Nam để giúp vận chuyển ma túy. Các tỉnh trung chuyển của Việt Nam như Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hóa. Từ 1998 đến 2000, đã có 62,1% heroin và 68,5% thuốc phiện bị các cơ quan hành pháp bắt giữ tại các tỉnh này<sup>34</sup>.

Theo Ban Kiểm soát ma túy quốc tế, Campuchia đã trở thành nguồn cung cấp cần sa trái phép cho thị trường thế giới. Cần sa Campuchia chuyển vào Việt Nam thông qua đường biên giới chung qua các tỉnh Đồng Tháp, Tây Ninh, Kiên Giang và An Giang và được vận chuyển tiếp đến các nước tiêu thụ. Campuchia cũng là nước trung chuyển các chất heroin, thuốc lắc, methamphetamin và các loại ma túy khác được vận chuyển từ Tam giác vàng vào Việt Nam thông qua nước này và nước này cũng là nơi những kẻ phạm tội liên quan đến ma túy trốn tránh khỏi hình phạt nặng do pháp luật Việt Nam quy định.

Ở cấp địa phương, Ủy ban nhân dân 25 tỉnh có chung đường biên giới với các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia đã thường xuyên tổ chức giao ban định kỳ với chính quyền các tỉnh bạn. Lực lượng Công an các tỉnh biên giới đã phối hợp chặt chẽ với Công an nước bạn thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình, kết quả phòng, chống ma túy; phối hợp tiến hành các hoạt động điều tra, ngăn chặn tội phạm mua bán, vận chuyển ma túy. Nhờ đó đã truy bắt được một số đối tượng đặc biệt nguy hiểm là người Việt Nam, trốn truy nã, cầm đầu các tổ chức mua bán, vận

---

*Thực trạng, các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm ma túy của lực lượng cảnh sát nhân dân các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Báo cáo chuyên đề khoa học, tr. 17.

<sup>34</sup> Văn phòng Thường trực phòng chống tội phạm và ma túy (2011), *Hợp tác quốc tế về phòng chống ma túy và nghiên cứu cơ bản về UNODC*, Hà Nội, tr. 14.



chuyển ma túy từ bên ngoài vào, góp phần nâng cao hiệu quả công tác ngăn chặn, giảm lượng ma túy thâm lậu vào Việt Nam và bóc gỡ nhiều đường dây mua bán ma túy, thu giữ số lượng ma túy lớn<sup>35</sup>.

Theo thống kê của Cục C16 Bộ Công an, Vụ 2C Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, từ năm 1998 đến năm 2002, thực hiện các Hiệp định hợp tác phòng, chống ma túy với các nước, cơ quan cảnh sát điều tra các cấp đã bắt giữ, khởi tố điều tra 41 vụ, 53 đối tượng phạm tội ma túy là người nước ngoài cấu kết với các đối tượng trong nước để mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, trong đó có 30 vụ, 35 đối tượng phạm tội ma túy là công dân Lào; 6 vụ, 9 đối tượng phạm tội là công dân Campuchia; 1 vụ, 1 đối tượng phạm tội là công dân Canada; 1 vụ, 1 đối tượng phạm tội là công dân Malaysia; 3 vụ, 7 đối tượng phạm tội là công dân Trung Quốc<sup>36</sup>.

### ***Liên Hợp quốc hỗ trợ cho Việt Nam các dự án kỹ thuật ưu tiên về phòng chống ma túy***

Các dự án này tập trung hỗ trợ và cung cấp phương tiện kỹ thuật, trang bị khí tài, công nghệ cho các cơ quan phòng chống ma túy, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, thay thế cây trồng có chứa chất ma túy, điều trị và cai nghiện phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy, điều tra và bắt giữ tội phạm ma túy qua biên giới, chia sẻ thông tin về tệ nạn và tội phạm ma túy.

*Trong giai đoạn 1992-2004*, LHQ đã hợp tác với Việt Nam triển khai 12 dự án tập trung vào các mục tiêu: nâng cao năng lực ngăn chặn buôn lậu ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp (Amphetamine-type

---

<sup>35</sup> Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm, *Các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy*, Báo cáo chuyên đề nghiên cứu khoa học, tr. 40.

<sup>36</sup> Nguyễn Xuân Yêm (2009), *Về giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các hiệp định, bản ghi nhớ về phòng chống ma túy giữa Việt Nam và các nước*, trong Hội thảo quốc tế *Phòng chống ma túy tại các nước Asean*, tr. 3.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

Stimulants) và tiền chất; hỗ trợ pháp lý; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về tác hại của ma túy trong cộng đồng và đồng bào thiểu số với tổng kinh phí hỗ trợ là trên 10 triệu đô la Mỹ<sup>37</sup>.

*Trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2007* đã có 16 dự án về phòng chống ma túy do UNODC tài trợ được triển khai tại Việt Nam, trong đó có 7 dự án quốc gia với tổng giá trị cam kết là 4.282.497 USD và tổng giá trị thực hiện ở Việt Nam là 2.621.931 USD, và 9 dự án khu vực với tổng giá trị cam kết là 11.112.790 USD, giá trị thực hiện ở Việt Nam là 667.035 USD<sup>38</sup>.

---

<sup>37</sup> Một số dự án tiêu biểu là: Dự án xây dựng kế hoạch tổng thể phòng chống lạm dụng ma túy (1992-1996); Dự án thí điểm phát triển kinh tế - xã hội thay thế trồng thuốc phiện tại huyện Kỳ Anh (1996-2000); Dự án nâng cao năng lực ngăn chặn và bắt giữ tội phạm ma túy (1997-2000); Dự án tăng cường năng lực quốc gia phòng chống lạm dụng ma túy và lây nhiễm HIV/AIDS ở các nhóm đối tượng có nguy cơ cao (1998-2000); Dự án phân tích tình hình lạm dụng ma túy và huấn luyện cai nghiện tại cộng đồng (1998-2000); Dự án tăng cường năng lực cơ quan điều phối chương trình quốc gia phòng chống ma túy (1996-2001); Dự án phòng chống lạm dụng ma túy trong trường học (1999-2001); Dự án Phòng chống lạm dụng ma túy trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn I (2002-2004); Dự án xây dựng kế hoạch tổng thể phòng chống ma túy (2001-2010); Dự án thí điểm phát triển kinh tế, xã hội nhằm thay thế trồng thuốc phiện tại huyện Kỳ Sơn, giai đoạn II (2001-2003); Dự án Quỹ PAF của UNAIDS thúc đẩy chương trình giảm hại thông qua nghiên cứu hành vi ở người tiêm chích ma túy và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS (2001-2002); Dự án tăng cường hoạt động các mô hình can thiệp và thiết lập quan hệ đối mới quan hệ đối tác với các tổ chức phi chính phủ trong nước, thực hiện phòng ngừa hành vi nguy cơ cao đối với người tiêm chích ma túy tại cộng đồng (2003-2004). Theo: Văn phòng Thường trực phòng chống tội phạm và ma túy, *Hợp tác quốc tế về phòng chống ma túy và nghiên cứu cơ bản về UNODC*, Hà Nội, 2011, tr. 22.

<sup>38</sup> Có thể kể đến các dự án tiêu biểu: VIE/03/G55 nâng cao năng lực ngăn chặn và bắt giữ ma túy và tiền chất USD 736.800; VIE/03/R21 tăng cường năng lực cơ quan hành pháp và pháp luật trong việc phòng chống buôn bán người tại Việt Nam trị giá 288.200 USD; VIE/R96 tăng cường năng lực cơ quan hành pháp và pháp luật trong việc phòng chống buôn bán người tại Việt Nam pha II của dự án VIE/03/R21 trị giá 579.700 USD do Australia tài trợ; VIE/04/H05 ngăn chặn ma túy đồng bộ thông qua truyền thông và huy động cộng đồng trị giá 479.400 USD; VIE/H61 ngăn chặn lạm dụng ma túy trong dân tộc thiểu số (tiếp nối của dự án B85) trị giá 706.300 USD; VIE/H68 trợ giúp kỹ thuật cai nghiện ma túy tại trung tâm và cộng đồng trị giá 1.649.800 USD; PAF giáo dục phòng ngừa HIV/AIDS tại các trung tâm cai nghiện trị giá 60.000 USD. Dẫn theo: Tổng cục Cảnh sát, Văn phòng thường trực phòng chống ma túy (2009). *Những vấn đề có tính chiến lược nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy giai đoạn 2010 -2015*. Chuyên đề nghiên cứu khoa học, Hà Nội, tr. 36; Văn phòng Thường trực phòng chống tội phạm và ma túy (2011), *Hợp tác quốc tế về phòng chống ma túy và nghiên cứu cơ bản về UNODC*, Hà Nội, tr. 24.

Hiện nay, trong điều kiện eo hẹp về tài chính, nhưng LHQ vẫn hợp tác chặt chẽ với Việt Nam triển khai một số chương trình, dự án, đồng thời phối hợp với Bộ Công an và một số bộ ngành hữu quan khác xây dựng *Chương trình quốc gia giai đoạn 2012 - 2017*. Đây là Chương trình nằm trong khuôn khổ Kế hoạch chung “Một Liên hợp quốc” giai đoạn 2012 - 2016 của UNODC, gồm 5 cấu phần hợp tác với tổng ngân sách dự kiến huy động viện trợ cho công tác phòng chống ma túy và tội phạm của Việt Nam trong giai đoạn tới là 14.457.700 USD. Trong đó, trên lĩnh vực phòng, chống và kiểm soát ma túy có 1 cấu phần hợp tác với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về Giảm cầu ma túy và HIV/AIDS; 1 cấu phần hợp tác với Bộ Công an về Phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán trái phép chất ma túy.

Ngoài ra, Việt Nam còn chủ động tiếp xúc, tổ chức các đợt vận động chung và tranh thủ các nhà tài trợ khác như Nhật Bản, Đan Mạch, Hàn Quốc... qua các dự án có quy mô nhỏ. Các dự án đã góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm cho các cán bộ phòng, chống ma túy của Việt Nam, một số dự án đã bước đầu xây dựng được một số mô hình điểm về phát triển kinh tế - xã hội lồng ghép với công tác phòng, chống ma túy, truyền thông phòng ngừa ma túy tại cộng đồng và trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ cung cấp trang thiết bị phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng thực thi pháp luật phòng chống ma túy tại các địa bàn dự án.

### ***Liên Hợp quốc hỗ trợ Việt Nam trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng pháp luật và hoạch định chính sách về phòng chống ma túy***

Trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, chính phủ Việt Nam phối hợp với Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm của LHQ đã tổ chức xuất bản Luật phòng, chống ma túy năm 2000 bằng tiếng Anh để phục vụ cho công tác nghiên cứu, tham khảo và công bố với thế giới nỗ lực

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

xây dựng hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho công tác phòng, chống ma túy của Việt Nam. Kết quả đó vừa thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong công cuộc đấu tranh chung, phòng chống ma túy và tội phạm, vừa thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong công tác bài trừ tệ nạn và tội phạm ma túy.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn tham gia và phối hợp triển khai tích cực các hoạt động phòng ngừa ma túy như tham gia hệ thống thông báo tiền xuất khẩu<sup>39</sup> bằng văn bản trước đây và hệ thống thông báo tiền xuất khẩu trực tuyến hiện nay; tham gia các báo cáo thường niên của INCB trong lĩnh vực phòng, chống ma túy. Qua đây, đã góp phần cung cấp thông tin, phục vụ công tác quản lý chặt chẽ mọi biến động của các chất ma túy và tiền chất trên thế giới, nhất là các chất thuộc danh mục các chất ma túy và tiền chất do chính phủ Việt Nam quản lý; phân tích, tổng hợp và tham mưu; đề xuất với Chính phủ nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý các chất ma túy và tiền chất trong tình hình mới. Việt Nam cũng đã đóng góp trong việc phân tích chính xác, xây dựng bức tranh tổng thể về tình hình ma túy thế giới, khu vực bằng các báo cáo cụ thể, thường niên của mình về cơ quan đầu mối quốc tế trong phòng, chống ma túy tại Viên (Áo). Từ đó, có đủ cơ sở, phân tích, đánh giá và hoạch định các chương trình, chính sách, chiến lược và dự án phù hợp với từng giai đoạn, từng khu vực, hỗ trợ tích cực cho việc giảm trừ, tiến tới loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống của cộng đồng quốc tế, khu vực, trong đó có Việt Nam.

Trong khuôn khổ các Hiệp định hợp tác phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm giữa Việt Nam và các nước, vào năm 2006, Việt Nam và Mỹ cũng đã ký kết “Bản ghi nhớ giữa Bộ Công an nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan phòng chống ma túy Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trong lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm ma túy xuyên quốc

---

<sup>39</sup> Là trước khi xuất khẩu.

gia”, và được gia hạn vào các năm 2013 và 2016. Bản ghi nhớ đã thiết lập cơ chế cho việc hợp tác và trao đổi thông tin và phối hợp điều tra tội phạm ma túy giữa hai nước. Trên tinh thần đó vào năm 2010, Mỹ đã viện trợ xây dựng một trung tâm huấn luyện cho cảnh sát Việt Nam giá trị 300.000 USD, tổ chức 5 lớp tập huấn với sự tham gia của 250 cán bộ. Bên cạnh đó, với sự tài trợ của Mỹ, từ năm 1999 đến năm 2015 đã có hơn 1.000 cán bộ Việt Nam tham dự các chương trình tập huấn tại Học viện thực thi pháp luật quốc tế (ILEA), Băng Cốc (Thái Lan) về các lĩnh vực điều tra tội phạm ma túy, tội phạm tài chính, chống khủng bố, nâng cao năng lực giảng viên<sup>40</sup>. Về phía mình, Việt Nam cũng đã từng bước mở rộng đào tạo cán bộ cho Lào, Campuchia về điều tra tội phạm ma túy, giám định ma túy, sử dụng chó nghiệp vụ phát hiện ma túy, giúp đỡ các nước này các trang thiết bị cần thiết. Việt Nam đã tổ chức được hơn 40 đoàn cấp trung ương và 12 đoàn cấp tỉnh đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm phòng chống ma túy với các nước Trung Quốc, Myanmar, Lào, Campuchia, Thái Lan. Ngoài ra, tổ chức được hơn 70 đoàn đi trao đổi kinh nghiệm, học tập về phòng chống ma túy với các nước khác trong khuôn khổ LHQ. Cũng trong thời gian qua các cơ quan chức năng của Việt Nam đã tiếp, làm việc với hơn 300 lượt các đối tác nước ngoài về phòng chống ma túy. Đã có gần 700 lượt cán bộ phòng chống ma túy Việt Nam được đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài và hơn 3.000 lượt cán bộ được tập huấn trong nước về phòng chống ma túy có sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế của LHQ. Kết quả này đã góp phần nâng cao nhận thức, trình độ cán bộ phòng chống ma túy nước ta trước tình hình mới<sup>41</sup>.

---

<sup>40</sup> Department of State (2014), *International Narcotic Control Strategy Report*.

<sup>41</sup> Tổng cục cảnh sát, Văn phòng thường trực phòng chống ma túy (2009), *Những vấn đề có tính chiến lược nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy giai đoạn 2010 - 2015*. Báo cáo chuyên đề nghiên cứu khoa học, Hà Nội, tr. 36.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

Ngoài việc đào tạo cho các cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực phòng chống ma túy, LHQ còn rất chú ý đến việc giáo dục học sinh trong việc phòng chống hiểm họa ma túy học đường. Dưới sự giúp đỡ của UNODC, đến nay, các học viện, nhà trường của lực lượng hành pháp như Học viện Cảnh sát, Đại học Biên phòng, Cao đẳng Hải quan, Trung cấp Cảnh sát đã xây dựng giáo trình và đưa nội dung kiểm soát tiền chất vào giảng dạy trong nhà trường. Chương trình đào tạo về kiểm soát tiền chất bằng đĩa DVD do UNODC xây dựng đã được áp dụng giảng dạy trong các nhà trường. Đã có khoảng 800 học viên được học qua chương trình này<sup>42</sup>.

Vào năm 2005, một chương trình đào tạo bằng đĩa DVD về “Phòng chống sản xuất ma túy - Vai trò của ngành hoá chất” do UNODC xây dựng đã được giới thiệu ở Việt Nam. Các doanh nghiệp và cơ quan có liên quan đến sản xuất, kinh doanh và vận chuyển tiền chất đều được cấp phát bộ đĩa này. Đây là tài liệu hướng dẫn có nội dung phong phú, ngắn gọn, súc tích, dễ tiếp thu và phổ biến trong ngành công nghiệp hoá chất. Hiện nay, việc đào tạo bằng bộ đĩa DVD vẫn đang được tiếp tục triển khai ở các doanh nghiệp hoá chất ở Việt Nam. Theo thống kê, năm 2006, có khoảng 6.220 cán bộ liên quan đến công tác phòng chống ma túy và kiểm soát tiền chất đã được đào tạo qua chương trình, trong đó có 4.600 cán bộ công an, 650 cán bộ biên phòng, 670 cán bộ hải quan, 100 cán bộ quản lý và khoảng 200 cán bộ của các đơn vị khác. Thông qua tập huấn kiểm soát tiền chất bằng bộ đĩa DVD, nhận thức của lực lượng hành pháp được nâng cao rõ rệt, góp phần nâng cao năng lực công tác kiểm soát tiền chất nói riêng và phòng chống ma túy nói chung<sup>43</sup>.

---

<sup>42</sup> Bộ Công an, Văn phòng thường trực phòng chống ma túy (2009), *Định hướng chiến lược nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản lý tiền chất giai đoạn 2010 -2015*. Báo cáo chuyên đề nghiên cứu khoa học, Hà Nội, tr. 8.

<sup>43</sup> Bộ Công an, Văn phòng thường trực phòng chống ma túy (2009), *Định hướng chiến lược nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản lý tiền chất giai đoạn 2010 -2015*. Báo cáo chuyên đề nghiên cứu khoa học, Hà Nội, tr. 8.

Ngoài ra, việc tuyên truyền, giáo dục cho các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp về ý thức trách nhiệm quản lý tiền chất cũng đã được tiến hành thường xuyên, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo tránh thất thoát các tiền chất, hoá chất. Bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú, công tác truyền thông đã giúp các doanh nghiệp hiểu rõ nguy cơ tội phạm ma túy có thể sử dụng các loại hoá chất, tiền chất để tổ chức sản xuất trái phép các chất ma túy tổng hợp và nắm bắt các yêu cầu phối hợp với các cơ quan chức năng khi phát hiện các dấu hiệu khả nghi trong các giao dịch. Để nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước thuộc các bộ, ngành và các cán bộ các doanh nghiệp phụ trách vấn đề tiền chất, LHQ đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn nhằm giúp họ làm tốt nhiệm vụ tương đối mới mẻ này. Nhờ sự giúp đỡ tích cực của các tổ chức quốc tế, nhất là của Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy quốc tế của LHQ, thông qua các dự án như B38, F34..., nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và trách nhiệm của các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý tiền chất được nâng lên. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý tiền chất có những chuyển biến tốt.

Với sự hỗ trợ của UNODC thông qua dự án “Hỗ trợ nâng cao năng lực ngăn chặn buôn lậu và bắt giữ ma túy đặc biệt tập trung vào ATS và tiền chất - Mã số AD/VIE/03/G55”, 6 đội đặc nhiệm phòng chống ma túy liên ngành (PCMTLN) đã được thành lập tại 6 tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai, Thanh Hoá, Sơn La, Long An và An Giang để nâng cao hiệu quả ngăn chặn, phát hiện và bắt giữ các chất ma túy, đặc biệt là các loại ma túy tổng hợp (ATS) và các tiền chất. Sau khi thành lập và triển khai hoạt động, 6 đội đặc nhiệm PCMTLN đã được trang bị 15 loại thiết bị gồm: Phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, nghe nhìn, thuốc thử nhanh các chất ma túy và tiền chất... trị giá hơn 273.000 USD. Tại 6 địa phương trên, sự phối hợp giữa 3 lực lượng: Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy, Phòng chống tội phạm ma túy, Bộ đội biên phòng và Tổng cục Hải quan

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

đã có những chuyển biến tích cực, bước đầu đã tạo được sự hiệp đồng phối hợp trao đổi thông tin tội phạm ma túy, điều tra khám phá các đường dây buôn bán, vận chuyển ma túy trái phép xuyên quốc gia, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy và tiền chất của địa phương<sup>44</sup>.

### **Một số nhận xét**

Từ những trình bày trên, chúng tôi có một số nhận xét về quá trình hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ như sau:

#### *Ưu điểm*

*Thứ nhất*, công tác hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng chống ma túy đã được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Việc ban hành các chủ trương, đường lối, các chiến lược, sách lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác phòng, chống ma túy qua từng thời kỳ luôn sát với thực tiễn và yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn ma túy.

*Thứ hai*, việc tham gia các Công ước của LHQ về kiểm soát ma túy là một bước chính thức hóa cơ sở pháp lý quốc tế đối với công tác phòng, chống ma túy tại Việt Nam, là nền tảng pháp lý quốc tế vững chắc cho Việt Nam trong hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy, đồng thời là khung pháp lý chung cho việc tham gia, hội nhập và triển khai thực hiện nhiều nội dung hợp tác giữa các nước thành viên đối với những vấn đề chung cùng quan tâm, tạo môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển.

---

<sup>44</sup> Bộ Công an, Văn phòng thường trực phòng chống ma túy (2009), *Định hướng chiến lược nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản lý tiền chất giai đoạn 2010 -2015*. Báo cáo chuyên đề nghiên cứu khoa học, Hà Nội, tr. 12.



*Thứ ba*, việc tham gia các Công ước đã giúp Việt Nam tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy; tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác quốc tế, đấu tranh, phòng ngừa hiệu quả những tác động tiêu cực của tội phạm và tệ nạn ma túy vì lợi ích của Việt Nam, của cộng đồng quốc tế và khu vực. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng nâng cao.

*Thứ tư*, là dịp để Việt Nam có thể rà soát, so sánh, đánh giá và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống chống ma túy và hợp tác quốc tế về kiểm soát ma túy. Từ đó, cho phép mở rộng quyền lợi, thiết lập mối quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương trong lĩnh vực phòng, chống ma túy, thúc đẩy hợp tác quốc tế phát triển trong khuôn khổ các quy định của ba Công ước.

*Thứ năm*, nguồn tài trợ của LHQ cho công tác phòng, chống ma túy tại Việt Nam ngày càng lớn. Các dự án chủ yếu là hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính cho công tác đấu tranh, chống tội phạm, giám định ma túy, cai nghiện phục hồi, giáo dục tuyên truyền, xóa bỏ cây thuốc phiện, xây dựng chính sách, cơ sở dữ liệu thống kê về phòng, chống ma túy.

*Thứ sáu*, hiệu quả hoạt động trên các lĩnh vực phòng, chống ma túy tại Việt Nam ngày càng tăng, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong nước, khu vực và quốc tế.

### ***Những tồn tại, hạn chế***

*Thứ nhất*, công tác kiểm soát chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất tại Việt Nam theo quy định các công ước của LHQ vẫn còn một số điểm hạn chế, tồn tại nhất định. Văn bản pháp luật quy định về tiền chất, quản lý tiền chất còn thiếu, chưa đồng bộ: Hệ thống văn bản pháp lý về lĩnh vực quản lý tiền chất còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở các quy định chung, thiếu các quy định cụ thể; thiếu các quy định thể chế hóa cơ chế quản lý tiền chất; hệ thống các quy định pháp lý về quản lý tiền chất hiện

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

nay chủ yếu dựa trên hệ chức năng của từng Bộ, chưa có sự thống nhất, đồng bộ theo quy trình, quy phạm chung với thông lệ chung của khu vực và quốc tế.

Cơ quan và lực lượng kiểm soát tiền chất còn thiếu, chưa mang tính chuyên trách. Hệ thống cơ quan kiểm soát tiền chất chưa thống nhất, còn nằm ở nhiều bộ, ngành, không phù hợp với thông lệ chung của khu vực và quốc tế...; đội ngũ cán bộ kiểm soát tiền chất chủ yếu làm việc kiêm nhiệm; hiểu biết về tiền chất của các cán bộ trực tiếp làm công tác kiểm soát tiền chất vẫn còn những hạn chế nhất định; lực lượng chuyên trách mỏng, chưa bố trí được lực lượng quản lý theo quy trình, chưa thiết lập được hệ thống để kiểm tra, giám sát đến khâu cuối cùng.

*Thứ hai*, một thực tế hiện nay là giữa các nước châu Á chưa có Công ước Quốc tế về dẫn độ tội phạm và tương trợ tư pháp hình sự như các nước châu Âu đang áp dụng. Trong pháp luật hình sự quốc tế, vấn đề này còn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Hệ thống pháp luật nói chung, luật hình sự, luật tố tụng hình sự nói riêng của các nước châu Á, khu vực ASEAN, ở từng nước còn chưa hoàn thiện, nhiều điểm chưa tương đồng và cả sự khác biệt về cơ chế, tổ chức và thẩm quyền. Nhiều nước châu Á chưa tham gia Hiệp định, Thỏa thuận song phương, đa phương và khu vực về dẫn độ tội phạm và tương trợ tư pháp hình sự. Vì vậy, hiệu quả đấu tranh chống tội phạm nói chung, tội phạm ma túy nói riêng còn chưa cao, còn để lọt tội phạm hoặc tội phạm chậm bị phát hiện, bắt giữ, xử lý, nhất là trong trường hợp có những hoạt động tội phạm ma túy xuyên quốc gia.

*Thứ ba*, trong một số khía cạnh hợp tác cụ thể khác như hợp tác song phương và đa phương trong việc triển khai các Hiệp định và Thỏa thuận về phòng chống ma túy đôi khi còn hạn chế; công tác tuyên truyền đối ngoại về công tác phòng, chống ma túy còn khiêm tốn. Hợp tác mang tính chiến lược chưa hiệu quả; cơ chế hợp tác đã được thiết lập nhưng do khó khăn về kinh phí, hạn chế về năng lực, ngoại ngữ, lực lượng mỏng,

thiếu trang thiết bị, phương tiện nên hiệu quả hợp tác đấu tranh chưa cao; Lực lượng phòng, chống ma túy của các nước trong khu vực có sự chênh lệch về số lượng, phương tiện, về kinh nghiệm, nghiệp vụ nên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; Cơ chế hợp tác phòng, chống ma túy trên biển, tại các cửa khẩu hàng không trọng điểm trong khu vực chưa hình thành. Nội dung hợp tác đôi khi còn chung chung, dàn trải nhiều lĩnh vực, thiếu tập trung. Hợp tác ở cấp tác chiến giữa các lực lượng chuyên trách giữa các nước trong khu vực cũng thiếu cơ chế rõ ràng nên chưa thực sự hiệu quả. Việc huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế còn chưa tương xứng, năng lực xây dựng và quản lý dự án hạn chế, chưa đưa ra được nhiều ý tưởng dự án có sức thuyết phục, chủ yếu là bị động theo đối tác.

Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhưng trong điều kiện tăng cường giao lưu quốc tế, việc hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và LHQ trong đấu tranh phòng chống ma túy ngày càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm nói chung trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập và nền kinh tế tri thức.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Liên hợp quốc, *Ba công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Nxb. CAND, Hà Nội 2000.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật phòng, chống ma túy và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

## *Nghiên cứu Quốc tế số 2 (109)*

3. Vũ Hùng Vương (2002), *nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm về ma túy*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma túy, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Anh, *Tiếp tục hoàn thiện Luật phòng, chống ma túy nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy*, Tạp chí CAND, 2-2007.
5. Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (2007), *Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 06/CT-TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy (1997-2006)*.
6. Văn phòng Thường trực phòng, chống ma túy (2003), *Một số văn bản hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống ma túy*, Nxb. CAND, Hà Nội.
7. Văn phòng Thường trực phòng, chống ma túy (2006), *Kỳ yếu Hội nghị “Tổng kết 5 năm thực hiện chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005”*.
8. Văn phòng Thường trực phòng, chống ma túy (2009), *Kỳ yếu Hội nghị “Tổng kết công tác phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm năm 2008 và phương hướng công tác năm 2009”*.
9. Trần Văn Luyện, Nguyễn Xuân Tất Hòa (2011), *Đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài*, Nxb. CAND năm 2011.
10. UNODC, (2013), *Patterns and Trends of Amphetamine-Type Stimulants and Other Drugs: Asia and the Pacific*.
11. UNODC, (2014), *Patterns and Trends of Amphetamine-Type Stimulants and Other Drugs: Asia and the Pacific*.

12. UNODC, SODC of Vietnam, (2011), *Amphetamine-type Stimulants in Viet Nam - Review of the Availability, Use and Implications for health and security.*
13. UNODC, from 2010 to 2012, *Regional Programme for East Asia and the Pacific: Implementation Update 1, 2, 3.*
14. UNODC, *South-East Asia: Opium Survey 2014.*
15. UNODC, (2011), *Patterns and Trends of Amphetamine-Type Stimulants and Other Drugs, Asia and the Pacific.*
16. UNODC, 2012, *Amphetamines & Ecstasy: 2011 Global ATS Assessment.*
17. UNAIDS, *2011-2015 Strategy.*
18. UNODC, MYANMAR, (2012), *Situation Assessment on Amphetamine-Type Stimulants.*
19. UNODC, (2012), *Patterns and Trends of Amphetamine-Type Stimulants and Other Drugs: Asia and the Pacific.*
20. UNODC, (2010), *The Globalization of Crime.*